



## CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 31/03/2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong,  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2019	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019	8
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 25

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019.

#### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Tuấn Minh	Chủ tịch
Ông Trần Xảo Cơ	Phó Chủ tịch
Ông Lê Tấn Quốc	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng ban
Bà Hồ Thị Huỳnh Giao	Thành viên
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Tuấn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Lê Tấn Quốc	Phó Tổng Giám đốc

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Trần Tuấn Minh**  
**Tổng giám đốc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 05 năm 2019

Số: 19.566/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên, được lập ngày 13 tháng 05 năm 2019, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 31 tháng 03 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**KT TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 05 năm 2019*

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/03/2019

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Tại ngày 31/03/2019</b>	<b>Tại ngày 01/10/2018</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>133.509.654.221</b>	<b>137.703.807.690</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>4.152.577.301</b>	<b>3.973.188.573</b>
1. Tiền	111		4.152.577.301	3.973.188.573
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>35.513.979.547</b>	<b>47.867.852.021</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	35.070.144.657	33.544.021.157
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		690.527.291	2.393.964.584
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	985.287.383	13.161.846.064
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(1.231.979.784)	(1.231.979.784)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>75.239.961.354</b>	<b>73.603.383.998</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.5	75.239.961.354	73.603.383.998
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18.603.136.019</b>	<b>12.259.383.098</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	2.920.831.021	2.056.533.657
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.091.378.298	9.611.922.741
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	590.926.700	590.926.700
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>88.981.275.754</b>	<b>84.317.456.428</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>448.840.000</b>	<b>448.840.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.3	448.840.000	448.840.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>58.852.811.858</b>	<b>57.553.965.524</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	58.616.921.121	57.418.740.646
Nguyên giá	222		96.668.753.733	94.756.911.161
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.051.832.612)	(37.338.170.515)
2. Tài sản cố định vô hình	227		235.890.737	135.224.878
Nguyên giá	228		530.484.000	398.315.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(294.593.263)	(263.090.122)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>2.419.146.826</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	2.419.146.826
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>29.679.623.896</b>	<b>23.895.504.078</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	29.679.623.896	23.895.504.078
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>222.490.929.975</b>	<b>222.021.264.118</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31/03/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2019	Tại ngày 01/10/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>161.769.179.549</b>	<b>158.318.501.156</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>125.697.404.675</b>	<b>119.666.898.098</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	53.824.247.246	47.738.887.015
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		692.817.685	2.585.384.176
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	2.096.593.049	2.053.956.632
4. Phải trả người lao động	314		890.549.210	840.849.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	976.629.169	1.007.525.064
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.11	66.227.632.426	64.981.278.473
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		988.935.890	459.017.738
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>36.071.774.874</b>	<b>38.651.603.058</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.11	36.071.774.874	38.651.603.058
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>60.721.750.426</b>	<b>63.702.762.962</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.12	<b>60.721.750.426</b>	<b>63.702.762.962</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.309.230.000	54.309.230.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54.309.230.000	54.309.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		124.205.820	124.205.820
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.874.180	2.294.874.180
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.294.874.180)	(2.294.874.180)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.569.327.142	1.356.558.615
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.281.012.536)	7.912.768.527
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	6.043.169.613
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.281.012.536)	1.869.598.914
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>222.490.929.975</b>	<b>222.021.264.118</b>



Trần Tuấn Minh  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 05 năm 2019

Đinh Thị Nguyễn Hương  
Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong,  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/03/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.13	198.023.372.357	204.048.683.829
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.331.364	54.150.456
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		198.016.040.993	203.994.533.373
4. Giá vốn hàng bán	11	4.14	177.405.071.132	186.463.905.397
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.610.969.861	17.530.627.976
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		177.398.362	215.782.044
7. Chi phí tài chính	22	4.15	6.423.517.356	3.247.935.992
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		6.245.803.953	3.054.828.624
8. Chi phí bán hàng	24	4.16	10.637.075.373	6.815.961.379
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.17	8.496.328.635	5.676.834.765
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.768.553.141)	2.005.677.884
11. Thu nhập khác	31	4.18	2.492.509.160	1.256.588.395
12. Chi phí khác	32		4.968.555	1.679.890
13. Lợi nhuận khác	40		2.487.540.605	1.254.908.505
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.281.012.536)	3.260.586.389
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	726.142.210
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.281.012.536)	2.534.444.179
17. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.12.4	(564)	347



**Trần Tuấn Minh**  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 05 năm 2019

**Đinh Thị Nguyên Hương**  
Kế toán trưởng

**Đinh Thị Phương Nga**  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong,  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03a - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/03/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		(2.281.012.536)	3.260.586.389
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.19	5.596.445.594	3.719.846.380
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04		-	(1.140.000)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.749.388.560)	(1.201.318.470)
Chi phí lãi vay	06	4.15	6.245.803.953	3.054.828.624
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>3. trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>7.811.848.451</b>	<b>8.832.802.923</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.874.416.917	9.160.717.697
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.636.577.356)	(5.224.292.546)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.254.234.472	5.592.744.425
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(6.648.417.182)	(23.674.725.421)
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.245.803.953)	(3.054.828.624)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(979.923.196)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(172.081.848)	(98.080.503)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.239.619.501</b>	<b>(9.445.585.245)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.669.870.650)	(18.466.816.838)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.940.348.522	1.197.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.765.586	4.318.470
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.726.756.542)</b>	<b>(17.265.498.368)</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong,  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03a - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/03/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.20	192.323.130.194	166.755.120.340
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.21	(193.656.604.425)	(142.111.316.662)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.333.474.231)</b>	<b>24.643.803.678</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>179.388.728</b>	<b>(2.067.279.935)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.1	3.973.188.573	7.109.332.972
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	4.1	4.152.577.301	5.042.053.037



**Trần Tuấn Minh**  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 05 năm 2019

**Đinh Thị Nguyên Hương**  
Kế toán trưởng

**Đinh Thị Phương Nga**  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a – DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 08 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là ngày 13 tháng 09 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.309.230.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 là 230 người (30 tháng 09 năm 2018 là: 244).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế, kệ, tủ bằng gỗ (trừ chế biến gỗ tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: bàn, ghế, xe đẩy, tủ kệ bằng kim loại (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang và các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (không được hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; và
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 03 năm 2019 gồm:

Tên	Địa chỉ
Nhà Máy Chi Nhánh Công ty CP Minh Hữu Liên – Long An	Lô B22, đường D2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 09 năm hiện hành.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018.

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/10/2018 VND
Tiền mặt	1.021.181.337	914.017.424
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.131.395.964	3.059.171.149
<b>Cộng</b>	<b>4.152.577.301</b>	<b>3.973.188.573</b>

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/10/2018 VND
Harbor Freight Tools	13.954.800.672	8.816.389.438
Các khách hàng khác	21.115.343.985	24.727.631.719
<b>Cộng</b>	<b>35.070.144.657</b>	<b>33.544.021.157</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/03/2019 VND		Tại ngày 01/10/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	974.487.383	-	822.239.157	-
Ký cược, ký quỹ	10.800.000	-	47.699.998	-
Phải thu khác	-	-	12.291.906.909	-
<b>Cộng</b>	<b>985.287.383</b>	<b>-</b>	<b>13.161.846.064</b>	<b>-</b>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	448.840.000	-	448.840.000	-

**4.4. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/03/2019 VND		Tại ngày 01/10/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.231.979.784	-	1.231.979.784	-

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khách hàng này đã mất khả năng thanh toán.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2019 VND			Tại ngày 01/10/2018 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV TMDV XNK Quyền Hưng	401.230.064	-	> 3 năm	401.230.064	-	> 3 năm
Công ty CP Đầu Tư và XDCN C007A - XN Xây Dựng Số 9	224.887.040	-	> 3 năm	224.887.040	-	> 3 năm
Công ty CP Thống Nhất	180.120.000	-	> 3 năm	180.120.000	-	> 3 năm
Các khách hàng khác	425.742.680	-	> 3 năm	425.742.680	-	> 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>1.231.979.784</b>	<b>-</b>		<b>1.231.979.784</b>	<b>-</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/03/2019		Tại ngày 01/10/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.946.141.306	-	18.012.059.613	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.229.973.763	-	546.730.050	-
Thành phẩm	40.268.197.701	-	44.421.233.522	-
Hàng hóa	12.795.648.584	-	10.623.360.813	-
<b>Cộng</b>	<b>75.239.961.354</b>	<b>-</b>	<b>73.603.383.998</b>	<b>-</b>

Giá trị hàng tồn kho tại thời điểm cuối kỳ là 61.214.339.007 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay – Xem thêm mục 4.11.

*(Xem trang tiếp theo)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.6. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/10/2018	38.245.940.773	51.543.856.828	4.602.005.541	365.108.019	94.756.911.161
Mua trong kỳ	-	9.005.441.650	-	532.260.000	9.537.701.650
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.419.146.826	-	-	-	2.419.146.826
Thanh lý, nhượng bán	(775.086.961)	(9.269.918.943)	-	-	(10.045.005.904)
<b>Tại ngày 31/03/2019</b>	<b>39.890.000.638</b>	<b>51.279.379.535</b>	<b>4.602.005.541</b>	<b>897.368.019</b>	<b>96.668.753.733</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/10/2018	409.243.928	34.647.094.292	1.932.862.787	348.969.508	37.338.170.515
Khấu hao trong kỳ	2.003.378.138	3.174.667.844	335.351.052	51.545.419	5.564.942.453
Thanh lý, nhượng bán	(418.122.034)	(4.433.158.322)	-	-	(4.851.280.356)
<b>Tại ngày 31/03/2019</b>	<b>1.994.500.032</b>	<b>33.388.603.814</b>	<b>2.268.213.839</b>	<b>400.514.927</b>	<b>38.051.832.612</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/10/2018	37.836.696.845	16.896.762.536	2.669.142.754	16.138.511	57.418.740.646
<b>Tại ngày 31/03/2019</b>	<b>37.895.500.606</b>	<b>17.890.775.721</b>	<b>2.333.791.702</b>	<b>496.853.092</b>	<b>58.616.921.121</b>

Giá trị còn lại tại ngày 31/03/2019 của TSCĐ hữu hình là 58.120.068.029 VND đã dùng thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.11.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.311.022.776 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.7. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/10/2018 VND
Ngắn hạn:		
Lương tháng 13 và thưởng	1.765.522.493	600.568.464
Chi phí thuê nhà	173.870.968	175.000.000
Các khoản khác	981.437.560	1.280.965.193
<b>Cộng</b>	<b>2.920.831.021</b>	<b>2.056.533.657</b>
Dài hạn:		
Tiền thuê đất KCN An Phú Thạnh – Xem thêm mục 4.25	22.323.532.256	22.606.108.616
Công cụ dụng cụ	7.294.092.707	604.070.369
Các khoản khác	61.998.933	685.325.093
<b>Cộng</b>	<b>29.679.623.896</b>	<b>23.895.504.078</b>

Giá trị còn lại của tiền thuê đất trả trước tại KCN An Phú Thạnh tại ngày 31/03/2019 là 22.323.532.256 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.11.

**4.8. Phải trả người bán**

	Tại ngày 31/03/2019 VND		Tại ngày 01/10/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán:				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	21.828.668.704	21.828.668.704	28.839.981.694	28.839.981.694
Công ty TNHH MTV SX - Tm - DV An Sơn	6.681.475.173	6.681.475.173	-	-
Jiaonan Tianhe Hand Truck Co.,Ltd	5.404.588.720	5.404.588.720	2.709.652.320	2.709.652.320
Phải trả cho các đối tượng khác	19.909.514.649	19.909.514.649	15.971.947.001	15.971.947.001
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	217.306.000	217.306.000
<b>Cộng</b>	<b>53.824.247.246</b>	<b>53.824.247.246</b>	<b>47.738.887.015</b>	<b>47.738.887.015</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.9. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/03/2019 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/10/2018 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.669.180	530.100	530.100	-	3.669.180
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.849.217.361	-	-	-	1.849.217.361
Thuế thu nhập cá nhân	-	243.706.508	192.087.901	149.451.484	-	201.070.091
Các loại thuế khác	590.926.700	-	-	-	590.926.700	-
<b>Cộng</b>	<b>590.926.700</b>	<b>2.096.593.049</b>	<b>192.618.001</b>	<b>149.981.584</b>	<b>590.926.700</b>	<b>2.053.956.632</b>

**4.10. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/10/2018 VND	
	30/06/2018 VND	01/10/2018 VND	30/06/2018 VND	01/10/2018 VND
Kinh phí công đoàn	135.551.547	84.339.027	135.551.547	84.339.027
Bảo hiểm xã hội	643.970.677	729.424.587	643.970.677	729.424.587
Bảo hiểm y tế	133.822.845	130.618.350	133.822.845	130.618.350
Bảo hiểm thất nghiệp	58.684.100	57.543.100	58.684.100	57.543.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.600.000	5.600.000	4.600.000	5.600.000
<b>Cộng</b>	<b>976.629.169</b>	<b>1.007.525.064</b>	<b>976.629.169</b>	<b>1.007.525.064</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.11. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2019		Trong kỳ		Tại ngày 01/10/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Ngắn hạn:						
Vay						
Vay dài hạn đến hạn trả	59.009.647.858	59.009.647.858	151.183.151.722	153.061.772.973	60.888.269.109	60.888.269.109
	7.217.984.568	7.217.984.568	6.535.734.906	3.410.759.702	4.093.009.364	4.093.009.364
<b>Cộng</b>	<b>66.227.632.426</b>	<b>66.227.632.426</b>	<b>157.718.886.628</b>	<b>156.472.532.675</b>	<b>64.981.278.473</b>	<b>64.981.278.473</b>
Dài hạn:						
Vay	36.071.774.874	36.071.774.874	40.937.129.800	43.516.957.984	38.651.603.058	38.651.603.058
<b>Tổng cộng</b>	<b>102.299.407.300</b>	<b>102.299.407.300</b>	<b>198.656.016.428</b>	<b>199.989.490.659</b>	<b>103.632.881.531</b>	<b>103.632.881.531</b>

Vay ngắn hạn ngân hàng là khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam có thời hạn vay dưới 12 tháng, được xác định theo từng kế ước nhận nợ. Mục đích cho vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh mặt hàng thép, inox. Các khoản vay này được thế chấp bằng máy móc thiết bị và hàng tồn kho của Công ty – Xem thêm mục 4.5 và 4.6.

Vay dài hạn ngân hàng có thời hạn từ 3 – 10 năm, chịu lãi suất theo thời điểm với mức lãi suất bình quân từ 9,0%/năm đến 10,5%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay – Xem thêm mục 4.6 và 4.7.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.12. Vốn chủ sở hữu****4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/10/2017	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	1.356.558.615	6.743.169.613	62.533.164.048
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-	2.534.444.179	2.534.444.179
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(610.474.978)	(610.474.978)
Số dư tại ngày 31/03/2018	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	1.356.558.615	8.667.138.814	64.457.133.249
Lỗ trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	-	(664.845.265)	(664.845.265)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(89.525.022)	(89.525.022)
Số dư tại ngày 01/10/2018	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	1.356.558.615	7.912.768.527	63.702.762.962
Lỗ trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	-	(2.281.012.536)	(2.281.012.536)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	7.212.768.527	(7.212.768.527)	-
<b>Số dư tại ngày 31/03/2019</b>	<b>54.309.230.000</b>	<b>124.205.820</b>	<b>2.294.874.180</b>	<b>(2.294.874.180)</b>	<b>8.569.327.142</b>	<b>(2.281.012.536)</b>	<b>60.721.750.426</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/10/2018 VND
Vốn góp của Công ty CP Hữu Liên Á Châu	13.328.680.000	13.328.680.000
Vốn góp của Ông Trần Tuấn Minh	12.582.920.000	12.582.920.000
Vốn góp của các đối tượng khác	28.397.630.000	28.397.630.000
<b>Cộng</b>	<b>54.309.230.000</b>	<b>54.309.230.000</b>

**4.12.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/03/2019	Tại ngày 01/10/2018
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.430.923	5.430.923
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.430.923	5.430.923
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(142.300)	(142.300)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.288.623	5.288.623

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.12.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.281.012.536)	2.534.444.179
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(700.000.000)	(700.000.000)
Lãi /(Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	(2.981.012.536)	1.834.444.179
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	5.288.623	5.288.623
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(564)</b>	<b>347</b>

**4.12.5. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/03/2019	Tại ngày 01/10/2018
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.061.625.388	1.061.625.388
Ngoại tệ (USD)	3.205,19	19.510,62

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.13. Doanh thu bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	18.853.830.458	31.282.708.321
Doanh thu bán thành phẩm	178.929.541.899	172.430.975.508
Doanh thu hoạt động khác	240.000.000	335.000.000
<b>Cộng</b>	<b>198.023.372.357</b>	<b>204.048.683.829</b>

**4.14. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	18.663.165.111	33.010.980.268
Giá vốn của thành phẩm đã bán	158.441.906.021	153.090.425.129
Giá vốn hoạt động khác	300.000.000	362.500.000
<b>Cộng</b>	<b>177.405.071.132</b>	<b>186.463.905.397</b>

**4.15. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	6.245.803.953	3.054.828.624
Lỗ chênh lệch tỷ giá	177.713.403	193.107.368
<b>Cộng</b>	<b>6.423.517.356</b>	<b>3.247.935.992</b>

**4.16. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	2.500.050.621	2.630.246.126
Chi phí dụng cụ đồ dùng	161.243	5.824.691
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.239.234	67.239.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.627.104.726	3.377.233.647
Các khoản chi phí khác	1.442.519.549	735.417.681
<b>Cộng</b>	<b>10.637.075.373</b>	<b>6.815.961.379</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.370.561.093	2.452.770.864
Chi phí khấu hao tài sản cố định	383.890.246	291.274.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.622.908.010	1.598.151.834
Chi phí bằng tiền khác	2.118.969.286	1.334.637.747
<b>Cộng</b>	<b>8.496.328.635</b>	<b>5.676.834.765</b>

**4.18. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.432.198.529	1.197.000.000
Thu nhập khác	60.310.631	59.588.395
<b>Cộng</b>	<b>2.492.509.160</b>	<b>1.256.588.395</b>

**4.19. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	158.628.162.085	182.737.930.883
Chi phí nhân công	17.775.964.229	17.967.380.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.596.445.594	3.719.846.380
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.361.442.623	5.931.811.483
Chi phí khác bằng tiền	4.640.750.194	2.159.660.558
<b>Cộng</b>	<b>196.002.764.725</b>	<b>212.516.629.420</b>

**4.20. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	192.323.130.194	166.755.120.340

**4.21. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(193.656.604.425)	(142.111.316.662)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.22. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Trong nước
- Xuất khẩu

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/03/2019

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng
<b>Doanh thu thuần</b>						
Từ khách hàng bên ngoài	121.325	130.377	76.691	73.618	198.016	203.995
<b>Cộng</b>	<b>121.325</b>	<b>130.377</b>	<b>76.691</b>	<b>73.618</b>	<b>198.016</b>	<b>203.995</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Kết quả của bộ phận CP không phân bổ	1.815	(1.020)	18.796	18.551	20.611	17.531
Thu nhập tài chính					19.138	12.493
Chi phí tài chính					177	216
Lợi nhuận trước thuế					6.424	3.248
Thuế TNDN					(2.281)	3.261
					-	726
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>(2.281)</b>	<b>2.535</b>
<b>Các thông tin khác</b>						
	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	31/03 2019 Triệu đồng	01/10 2018 Triệu đồng	31/03 2019 Triệu đồng	01/10 2018 Triệu đồng	31/03 2019 Triệu đồng	01/10 2018 Triệu đồng
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	20.536	22.659	14.534	10.885	35.070	33.544
<b>Tổng tài sản</b>					<b>187.421</b>	<b>188.477</b>
					<b>222.491</b>	<b>222.021</b>
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	47.588	42.244	6.237	5.495	53.825	47.739
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>107.945</b>	<b>110.580</b>
					<b>161.770</b>	<b>158.319</b>
	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng
Chi phí mua sắm tài sản	9.670	18.467	-	-	9.670	18.467
Chi phí khấu hao	5.596	3.720	-	-	5.596	3.720

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì hoạt động của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh sắt thép, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

**4.23. Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

1. Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
2. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể  
Nhân sự quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu:		
Phí thuê kho	3.690.679.092	5.739.566.362

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thù lao Hội đồng quản trị	150.000.000	180.000.000
Thu nhập Tổng Giám đốc	360.907.498	529.591.594

**4.24. Thu nhập Ban kiểm soát**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	84.000.000	84.000.000

**4.25. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động**

Công ty thuê quyền sử dụng đất tại KCN Phú An Thạnh theo hợp đồng thuê hoạt động số 06/2017/HĐTĐ/PAT-LA ngày 17 tháng 08 năm 2017. Hợp đồng thuê có thời hạn đến ngày 19 tháng 09 năm 2057, với tiền thuê được trả một lần vào thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất – Xem thêm mục 4.7.

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.26. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



**Trần Tuấn Minh**  
**Tổng giám đốc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 05 năm 2019*

**Đinh Thị Nguyên Hương**  
**Kế toán trưởng**

**Đinh Thị Phương Nga**  
**Người lập**

# THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

## RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building  
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026  
F +8428 3827 5027

Ha Noi Office  
7th Floor, Lotus Building, 2 Duy Tan Street  
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

T +8424 3795 5353  
F +8424 3795 5252

Central Office  
197 Le Dinh Ly Street, Hoa Thuan Tay Ward  
Hai Chau District, Da Nang, Vietnam

T +84 236 363 3334  
F +84 236 363 3334

